

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2016

Báo cáo gồm có:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Hà nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154, Phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Thành Phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		70,018,061,978	69,327,356,838
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3,946,798,723	830,055,727
1. Tiền	111		3,946,798,723	830,055,727
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	35,032,417,657	36,248,285,622
1. Chứng khoán kinh doanh	121		3,840,182,905	585,027,622
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(307,765,248)	(336,742,000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		31,500,000,000	36,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25,919,473,681	23,359,058,584
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	22,360,795,782	23,248,702,789
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2,894,527,355	759,439,022
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	55,450,087,106	57,386,853,335
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(54,785,936,562)	(58,035,936,562)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		4,378,463,000	7,878,185,223
1. Hàng tồn kho	141	V.7	4,378,463,000	7,878,185,223
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		740,908,917	1,011,771,682
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		79,856,930	165,291,837
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		560,877,599	746,305,457
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		100,174,388	100,174,388
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154, Phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Thành Phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		183,990,851,915	183,617,342,803
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.8	48,938,240,000	48,938,240,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.9	(48,938,240,000)	(48,938,240,000)
II. Tài sản cố định	220		725,384,620	1,418,378
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	725,384,620	1,418,378
<i>Nguyên giá</i>	222		1,070,958,184	250,958,184
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(345,573,564)	(249,539,806)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		95,400,000	95,400,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(95,400,000)	(95,400,000)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	30,545,677,318	30,910,681,310
<i>Nguyên giá</i>	231		33,100,000,000	33,100,000,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(2,554,322,682)	(2,189,318,690)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	130,753,913,060	130,739,366,198
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		3,510,805,388	3,510,805,388
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		127,243,107,672	127,228,560,810
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		21,965,876,917	21,965,876,917
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	33,184,480,000	33,184,480,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.14	(11,218,603,083)	(11,218,603,083)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		254,008,913,893	252,944,699,641

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154, Phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Thành Phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		32,907,930,551	32,442,132,360
I. Nợ ngắn hạn	310		32,907,930,551	32,442,132,360
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		19,700,000	21,780,000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	2,287,264,516	2,237,852,516
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	34,941,690	61,160,931
4. Phải trả người lao động	314		292,369,473	400,307,218
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		480,591,848	113,022,466
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	28,595,907,930	28,408,854,135
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	1,197,155,094	1,199,155,094
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154, Phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Thành Phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		221,100,983,342	220,502,567,281
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	221,100,983,342	220,502,567,281
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373,500,000,000	373,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373,500,000,000	373,500,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,790,387,000	2,790,387,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(3,546,600,829)	(3,546,600,829)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7,300,261,084	7,300,261,084
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(158,943,063,913)	(159,541,479,974)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(159,541,479,974)	(160,017,425,841)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		598,416,061	475,945,867
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		254,008,913,893	252,944,699,641

Lập ngày 20 tháng 7 năm 2016

Người lập biểu



Lê Thị Hương

Kế toán trưởng



Lê Thị Hương

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Hân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5,748,681,356	2,755,200,487	10,436,548,920	8,173,382,305
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01-02)	10		5,748,681,356	2,755,200,487	10,436,548,920	8,173,382,305
4. Giá vốn hàng bán	11		7,575,830,965	1,998,151,163	11,909,524,644	7,560,818,447
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV (20=10-11)	20		(1,827,149,609)	757,049,324	(1,472,975,724)	612,563,858
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		921,931,332	480,542,835	1,704,308,464	793,875,639
7. Chi phí tài chính	22		(25,400,967)	22,900,000	20,033,969	22,900,000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23				5,233,670	
8. Chi phí bán hàng	24					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(492,949,066)	(319,347,095)	(387,117,290)	1,290,377,664
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(386,868,244)	1,534,039,254	598,416,061	93,161,833
11. Thu nhập khác	31			(505,038,750)		155,231,250
12. Chi phí khác	32			(22,244,956)		132,685,021
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		0	(482,793,794)	0	22,546,229
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(386,868,244)	1,051,245,460	598,416,061	115,708,062
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51					
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(386,868,244)	1,051,245,460	598,416,061	115,708,062
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Ngày... tháng... năm 2016

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)







CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154, Phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Thành Phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		730,067,594	115,708,062
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		461,037,750	368,545,660
- Các khoản dự phòng	03		(3,278,976,752)	(2,252,100,000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		900,301,210	(793,875,639)
- Chi phí lãi vay	06		5,233,670	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1,182,336,528)	(2,561,721,917)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		875,012,761	852,948,053
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3,499,722,223	5,000,000,000
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		336,146,658	6,479,739,092
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		85,434,907	-
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(3,255,155,283)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5,233,670)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2,000,000)	(169,740,593)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		351,591,068	9,601,224,635
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(834,546,862)	(800,000,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		(1,949,722,223)	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(33,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4,500,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,049,421,013	793,875,639
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2,765,151,928	(33,006,124,361)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154, Phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Thành Phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(114,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>	<i>(114,000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3,116,742,996	(23,405,013,726)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	830,055,727	24,848,660,547
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3,946,798,723	1,443,646,821

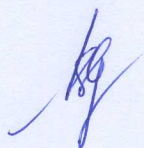
Lập ngày 20 tháng 7 năm 2016

Người lập biểu



Lê Thị Hương

Kế toán trưởng



Lê Thị Hương

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Hân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154 phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** Thương mại và Dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** Dịch vụ kinh doanh và đầu tư Bất động sản; Dịch vụ đầu tư tài chính

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Đơn vị trực thuộc của Công ty không thực hiện hạch toán kế toán.
 2. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.
-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154 phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc kế toán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154 phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 05

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, trích lập các quỹ, chia cổ tức

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập trong năm căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154 phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154 phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

13. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154 phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	114.333.473	174.006.530
Tiền gửi ngân hàng	3.832.465.250	656.049.197
Cộng	<u>3.946.798.723</u>	<u>830.055.727</u>

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chứng khoán kinh doanh	3.840.182.905	585.027.622
<i>Cổ phiếu</i>	3.840.182.905	585.027.622
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(307.765.248)	(336.742.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31.500.000.000	36.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng</i>	<i>31.500.000.000</i>	<i>36.000.000.000</i>
Cộng	<u>35.032.417.657</u>	<u>36.248.285.622</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154 phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	22.360.795.782	23.248.702.789
Công ty Cổ phần Điện tử Viễn Thông Việt	21.594.000.000	21.594.000.000
Các đối tượng khác	766.795.782	1.654.702.789
Cộng	22.360.795.782	23.248.702.789

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	2.894.527.355	759.439.022

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>30/6/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	55.450.087.106	33.191.936.562	57.386.853.335	36.441.936.562
Công ty TNHH Hoàn Mỹ Gia	50.126.219.796	32.047.640.593	50.126.219.796	32.047.640.593
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.323.867.310	1.144.295.969	7.260.633.539	4.394.295.969
Cộng	55.450.087.106	33.191.936.562	57.386.853.335	36.441.936.562

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết số dư các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi xem tại Phụ lục 1

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng hóa bất động sản	4.378.463.000	7.878.185.223
Cộng	4.378.463.000	7.878.185.223

8. Phải thu dài hạn khác

	<u>30/6/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	48.938.240.000	48.938.240.000	48.938.240.000	48.938.240.000
Phải thu từ Hợp đồng Hợp tác kinh doanh	41.600.000.000	41.600.000.000	41.600.000.000	41.600.000.000
<i>Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng 18</i>	26.600.000.000	26.600.000.000	26.600.000.000	26.600.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Đỏ</i>	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Chí Thành	7.338.240.000	7.338.240.000	7.338.240.000	7.338.240.000
Cộng	48.938.240.000	48.938.240.000	48.938.240.000	48.938.240.000

9. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154 phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết xem tại thuyết minh số V.8

10. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	250.958.184	250.958.184
Mua trong năm/kỳ	820.000.000	-	820.000.000
Số cuối kỳ	820.000.000	250.958.184	1.070.958.184
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>		250.958.184	
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	249.539.806	249.539.806
Khấu hao trong kỳ	94.615.380	1.418.378	96.033.758
Số cuối kỳ	94.615.380	250.958.184	345.573.564
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	1.418.378	1.418.378
Số cuối kỳ	725.384.620	-	725.384.620

Bất động sản đầu tư
Bất động sản cho thuê

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	33.100.000.000
Số cuối kỳ	33.100.000.000
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	2.189.318.690
Tăng do khấu hao trong năm	365.003.992
Số cuối kỳ	2.554.322.682
	2.189.318.690
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	30.910.681.310
Số cuối kỳ	30.545.677.318

11. Tài sản dở dang dài hạn

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
<i>Dự án Nhà ở Cán bộ Nhân viên Nhà máy Lọc dầu Dung Quất</i>	3.510.805.388	3.510.805.388	3.510.805.388	3.510.805.388
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
<i>Dự án Đầu tư xây dựng nhà ở, biệt thự và văn phòng cho thuê tại tỉnh Đồng Nai</i>	127.243.107.672	127.228.560.810	127.228.560.810	127.228.560.810
Cộng	130.753.913.060	130.739.366.198	130.739.366.198	130.739.366.198

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154 phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Fortika Nam Trung Yên	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Hợp tác xã Công Nghiệp Đoàn Kết	13.678.080.000	8.039.511.223	13.678.080.000	8.039.511.223
Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ Vinacomin	4.506.400.000	3.179.091.860	4.506.400.000	3.179.091.860
Cộng	33.184.480.000	11.218.603.083	33.184.480.000	11.218.603.083

13. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Chi tiết dự phòng đầu tư tài chính dài hạn xem tại thuyết minh số V.13

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
BQL Dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.292.852.516	1.292.852.516
Các khách hàng khác	994.412.000	945.000.000
Cộng	2.287.264.516	2.237.852.516

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số cuối kỳ	
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	100.174.388	-	100.174.388
Thuế thu nhập cá nhân	33.705.529		9.523.277	-
Các loại thuế khác	27.455.402		25.418.413	-
Cộng	61.160.931	100.174.388	34.941.690	100.174.388

(*): Thuế nộp thừa được trình bày chỉ tiêu thuế và các khoản phải thu nhà nước

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	58.892.480	11.507.000
Bảo hiểm xã hội	86.979.520	-
Bảo hiểm y tế	8.167.207	-
Bảo hiểm thất nghiệp	11.771.132	12.054.482
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	28.366.611.673	28.366.611.673
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	63.485.918	18.680.980
Cộng	28.595.907.930	28.408.854.135

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154 phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	930.934.049	(2.000.000)	928.934.049
Quỹ phúc lợi	147.355.098	-	147.355.098
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	120.865.947	-	120.865.947
	<u>1.199.155.094</u>	<u>(2.000.000)</u>	<u>1.197.155.094</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154 phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	373.500.000.000	2.790.387.000	(3.546.600.829)	7.300.261.084	-	(160.017.425.841)	220.026.621.414
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	475.945.867	475.945.867
Số dư cuối năm trước	373.500.000.000	2.790.387.000	(3.546.600.829)	7.300.261.084		(159.541.479.974)	220.502.567.281
Số dư đầu năm nay	373.500.000.000	2.790.387.000	(3.546.600.829)	7.300.261.084	-	(159.541.479.974)	220.502.567.281
Lợi nhuận trong năm/kỳ này	-	-	-	-	-	598.416.061	598.416.061
Số dư cuối kỳ này	373.500.000.000	2.790.387.000	(3.546.600.829)	7.300.261.084		(158.943.063.913)	221.100.983.342

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154 phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	373.500.000.000	373.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.790.387.000	2.790.387.000
Cổ phiếu quỹ	(3.546.600.829)	(3.546.600.829)
Cộng	<u>372.743.786.171</u>	<u>372.743.786.171</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.350.000	37.350.000
- Cổ phiếu phổ thông	37.350.000	37.350.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	481.200	481.200
- Cổ phiếu phổ thông	481.200	481.200
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.868.800	36.868.800
- Cổ phiếu phổ thông	36.868.800	36.868.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ quỹ phúc lợi; Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý được trích từ lợi nhuận sau thuế TNDN của doanh nghiệp để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154 phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.532.003.465	2.579.589.578
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	1.550.000.000	5.000.000.000
Doanh thu cho thuê đất	354.545.455	593.792.727
Cộng	10.436.548.920	8.173.382.305

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.044.798.429	2.195.814.455
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	3.499.722.223	5.000.000.000
Giá vốn khấu hao bất động sản đầu tư	365.003.992	365.003.992
Cộng	11.909.524.644	7.560.818.447

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.049.421.013	699.060.639
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	654.212.451	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	94.815.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	675.000	-
Cộng	1.704.308.464	793.875.639

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.233.670	-
Lỗ bán chứng khoán	32.178.830	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(28.976.752)	22.900.000
Chi phí tài chính khác	11.598.221	-
Cộng	20.033.969	22.900.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154 phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.222.369.644	1.412.841.441
Chi phí đồ dùng văn phòng	122.535.015	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	96.033.758	3.541.668
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(3.250.000.000)	(2.275.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.038.168.300	829.850.707
Các chi phí khác	380.775.993	1.316.143.848
	(387.117.290)	1.290.377.664

6. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	598.416.061	115.708.062
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	84.784.000	(17.865.000)
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>84.784.000</i>	<i>76.950.000</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(94.815.000)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>-</i>	<i>(94.815.000)</i>
Thu nhập chịu thuế	683.200.061	97.843.062
Lỗi các năm trước được chuyển	(683.200.061)	(97.843.062)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	598.416.061	115.708.062
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	598.416.061	115.708.062
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	36.868.800	36.868.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16,23	3,14

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà 154 phố Nguyễn Thái Học, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	36.868.800	36.868.800
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	36.868.800	36.868.800

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Cam kết chi tiêu vốn**

Công ty đang thực hiện đầu tư 02 căn hộ thuộc Khu ngoại giao Đoàn, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội do Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Mỹ làm chủ đầu tư.

2. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.635.046.676	830.055.727	38.635.046.676	830.055.727
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31.500.000.000	36.000.000.000	31.500.000.000	36.000.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	25.498.294.574	22.214.162.539	25.498.294.574	22.214.162.539
Phải thu khách hàng	766.795.782	1.654.702.789	766.795.782	1.654.702.789
Các khoản phải thu khác	22.258.150.544	24.194.916.773	22.258.150.544	24.194.916.773
Cộng	118.658.287.576	84.893.837.828	118.658.287.576	84.893.837.828
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	19.700.000	21.780.000	19.700.000	21.780.000
Các khoản phải trả khác	29.368.869.251	28.922.183.819	29.368.869.251	28.922.183.819
Cộng	29.388.569.251	28.943.963.819	29.388.569.251	28.943.963.819

Lập ngày 20 tháng 7 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Thị Hương

Lê Thị Hương

Vũ Xuân Hân